

UBND XÃ CHUYÊN MỸ
TRƯỜNG THCS PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271 /BC-THCS

Chuyên Mỹ, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN- Dịp cuối năm Năm học 2025 - 2026

A.THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học cơ sở Phú Yên.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Chuyên Mỹ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Trường THCS Phú Yên nằm trên địa bàn thôn Giẽ Hạ, xã chuyên Mỹ, thành phố Hà Nội. Tiền thân là trường cấp II sư phạm (gồm cấp I, II) được thành lập năm 1969. Năm 1992 đến nay trường mang tên trường THCS Phú Yên.

+ Điện thoại: 0375. 545. 806

+ Địa chỉ thư điện tử: <http://c2phuyen-@hanoiedu.vn>

+ Cổng thông tin điện tử: <http://thcsphuyen.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu;

+ Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

+ Tổ chức quản lý trực tiếp: UBND xã Chuyên Mỹ

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất, năng lực riêng.

Chấp cánh cho ước mơ vươn cao của các thế hệ học trò, phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Là nơi gieo những hạt giống tri thức để cho thế hệ trẻ phát triển thành những con ngoan - trò giỏi, thành những bậc tài danh, thành những chủ nhân tương lai của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Trường THCS Phú Yên là một trường chuẩn mực và năng động, lành mạnh, nơi học sinh, cán bộ, giáo viên, công nhân viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Là một trong những trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục ổn định, đạt chuẩn xanh-sạch-đẹp-an toàn. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong huyện. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc.

Trong giai đoạn 2023 - 2028 duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (mức độ 3), đến năm 2028 trở thành trường điển hình về chất lượng toàn diện của khối THCS trong xã .

4.3. Mục tiêu giáo dục: Đào tạo học sinh đạt được các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phẩm chất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4.4. Hệ thống giá trị cốt lõi

- Dân chủ và kỷ cương
- Chân thành và đoàn kết
- Thăng tiến và trung thực
- Yêu thương và thân thiện
- Khát vọng và cống hiến
- Ý thức và trách nhiệm
- Đổi mới và sáng tạo
- Hợp tác và phát triển

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập năm 1969 khi đó tên trường được đặt là: Trường cấp II Phú Yên, ban đầu trường có 3 lớp gồm 02 lớp năm và 01 lớp 6 với khoảng trên 130 học sinh. Giáo viên giảng dạy của trường được điều động từ trường cấp II Vân Từ. Hiệu trưởng đầu tiên của trường là thầy Nguyễn Xuân Vũ.

Năm 1976 Ngành giáo dục thực hiện cải cách, khi đó trường cấp I và trường cấp II Phú Yên được sáp nhập lấy tên là trường cấp I - II xã Phú Yên, khi đó trường có 8 lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 8.

Đến năm 1992 trường Phổ thông cơ sở cấp I - II Phú Yên được tách ra làm 2 trường đó là:

Trường trung học cơ sở Phú Yên

Trường tiểu học Phú Yên

Từ 01/8/2008, trường thuộc thành phố Hà Nội.

Hiện nay trường đóng trên địa bàn thôn Giẽ Hạ, xã Chuyên Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

+ Họ và tên, chức vụ: Trương Tú Phương – Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Giẽ Hạ, xã Chuyên Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ Số điện thoại: 0916.235.215

+ Địa chỉ thư điện tử: Tuphuong74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

+ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc xã Chuyên Mỹ.

+ Quyết định số 47/QĐ-ĐU ngày 01/7/2025 về việc thành lập Chi bộ trường THCS Phú Yên thuộc xã Chuyên Mỹ

+ Chứng nhận số 011044/2026/ĐKMCD ngày 24/7/2025 của Phòng CS QLHC về TTXH về việc chứng nhận mẫu dấu trường THCS Phú Yên thuộc xã Chuyên Mỹ

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Hiệu trưởng được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Chuyên Mỹ và Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo Quyết định số: 72/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Chuyên Mỹ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

*Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;

Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

*Tổ chức và quản lý: Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

*Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; Thực hiện tại Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

*Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (không có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường THCS Phú Yên:

1. Hiệu trưởng: Trương Tú Phương

+ Điện thoại: 0916235215;

+ Địa chỉ thư điện tử: tuphuong@gmail.com

+ Nơi làm việc: Trường THCS Phú Yên, xã Chuyên Mỹ TP Hà Nội

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

+ Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục

+ Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục

+ Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục...

Được công khai trên Web của trường: <http://thcsphuyen.edu.vn>

B. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³ (³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

***Khen thưởng:** Người đứng đầu đơn vị (Hiệu trưởng Trương Tú Phương) vinh dự được **Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2025** vì có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo. Chi bộ nhà trường đạt danh hiệu **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025**.

***Năng lực đội ngũ:** 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; 100% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý và công cụ hỗ trợ giảng dạy trực tuyến.

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	04	24	02	03		13	11					
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	23													
1	Toán	4		1	2				1	2					
2	Lý	1			1				1						
3	Hóa	1			1					1					
4	Văn	4			4				1	3					
5	Công nghệ	1			1				1						
6	Lịch sử	2			2				2						
7	Địa	1				1			1						
8	GDCD	0				0									
9	Ngoại Ngữ	2			2				1	1					
10	TD	2			2					2					
11	Tin	1				1			1						
12	Sinh	1		1					1						
13	Âm nhạc	1			1				1						
14	Mỹ thuật	1				1			1						
15	TPT	1			1				1						
II	Cán bộ quản lý														

1	Hiệu trưởng	1			1					1									
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1									
III Nhân viên																			
1	Nhân viên văn thư	1			1														1
2	Nhân viên kế toán	1			1														1
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1							1										1
5	Nhân viên thư viện	1							1										1
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1							1										1
7	Nhân viên bảo vệ, phục vụ	3							1	1	1								3
8	Nhân viên công nghệ thông tin																		
9	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật...																		



C. CƠ SỞ VẬT CHẤT

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NĂM HỌC 2025-2026. THÁNG 5/2026

*Về Hạ tầng số: Nhà trường đã hoàn thành lắp đặt hệ thống mạng không dây tốc độ cao phủ sóng toàn bộ các phòng học và phòng chức năng; trang bị 02 phòng máy tính hiện đại với cấu hình cao phục vụ chuyên đề Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học. lắp 56 camera tại các vị trí xung yếu, các lớp học.

*Về thiết bị dạy học: 100% các lớp học (12/12 lớp) được trang bị màn hình tương tác thông minh hoặc máy chiếu đa năng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện theo Nghị quyết 79-NQ/TW.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	11	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp	35	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9.937	24
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2.500	
VI	Tổng diện tích các phòng		

1	Diện tích phòng học (m ²)	56.16	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	112	3,2
3	Diện tích thư viện (m ²)	103,68	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	02	
1.1	Khối lớp..6	01 bộ	1
1.2	Khối lớp..7	01 bộ	1
1.3	Khối lớp..8	0	
1.4	Khối lớp..9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Thiếu khối 8,9	
2.1	Khối lớp.6		
2.2	Khối lớp.7		
2.3	Khối lớp..8	03 bộ	
2.4	Khối lớp..9	03 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1000m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
	42 bộ		

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	01
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác.: 04 loa kéo. 02 bộ âm thanh, 01 loa cầm tay		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		giáo viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		07		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	3 pha	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

D. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

I. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC:

Nhà trường tự đánh giá đạt mức độ 2 theo tiêu chuẩn qui định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

*Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Tiếp tục hoàn thiện để phần đầu đạt KĐCL kết quả mức độ 3

II.KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI:

Tháng 12/2023 nhà trường đón đoàn KĐCL của Sở GD&ĐT về kiểm tra và được đánh giá đạt KĐCL mức độ 2, được công nhận trường chuẩn quốc gia cấp độ 1

1.Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

2.Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2.

2.1. Mục tiêu cụ thể: Hoàn thành xây dựng 06 phòng học bộ môn; Xây dựng nhà tập đa năng đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, văn hóa – văn nghệ; Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư; Chuẩn bị các điều kiện để tái kiểm định vào năm 2028 đạt mức độ 3.

2.2.Nhiệm vụ và giải pháp:

Xây dựng 06 phòng bộ môn đạt chuẩn: Tham mưu với UBND xã, Phòng Văn hóa – Xã hội xã, các ban ngành để bố trí quỹ đất và nguồn vốn xây dựng.

Tham mưu cấp trên xin ngân sách đầu tư; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa từ phụ huynh, cựu học sinh, các tổ chức xã hội.

Trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu của Bộ GD&ĐT.

Phân công giáo viên quản lý, sử dụng phòng bộ môn hiệu quả.

Tham mưu cấp trên xin ngân sách đầu tư xây dựng nhà tập đa năng

Tham mưu cấp trên lập dự án đầu tư xây dựng nhà tập đa năng diện tích tối thiểu 400m², có sân khấu, hệ thống chiếu sáng, âm thanh.

Huy động ngân sách cấp trên và xã hội hóa giáo dục.

Sau khi hoàn thành, tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, văn hóa cộng đồng.

Công tác quản lý và khai thác cơ sở vật chất

Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và bảo dưỡng các công trình, phòng bộ môn.

Tập huấn cho giáo viên về sử dụng thiết bị hiện đại.

Thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng định kỳ hằng năm.

2.3. Giám sát và kiểm tra tiến độ: Thành lập Ban chỉ đạo cải tiến chất lượng: Lập kế hoạch tiến độ chi tiết, kiểm tra hằng quý; Báo cáo định kỳ với UBND xã và Phòng Văn hóa – Xã hội huyện.

3. Tiến độ thực hiện

Năm học 2025 - 2026: Hoàn thiện hồ sơ xin dự toán khởi công xây dựng 06 phòng bộ môn và nhà tập đa năng.

Năm học 2026 - 2027: Hoàn thành nhà tập đa năng

Năm học 2027 - 2028: Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Đưa vào sử dụng và tổ chức đánh giá nội bộ.

Năm học 2028 - 2029: Đăng ký đánh giá ngoài và phấn đấu đạt kiểm định mức độ 3.

4. Nguồn lực thực hiện: Ngân sách Nhà nước; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trọng điểm.

Nguồn khác: hỗ trợ từ các dự án, tổ chức xã hội, tài trợ.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm đạt mức độ 3 là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2025 - 2028 của Trường THCS Phú Yên. Với sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp của các tổ chức xã hội và sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh, nhà trường quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

6. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

6.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

6.2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

6.3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

E. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, CUỐI NĂM HỌC 2025 - 2026

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶ (6 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

***Kết quả học tập:** Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đợt 1 đạt 79/95 em hoàn thành chương trình THCS đạt 83,15%. Đợt 2 sẽ hoàn thành xét hoàn thành chương trình THCS cho các em vào tháng 6/2026. Chất lượng giáo dục mũi nhọn bứt phá với trên 200 giải học sinh giỏi cấp xã và có 5 em cấp Thành phố, khẳng định vị thế đơn vị dẫn đầu cụm thi đua.

*** Đổi mới phương pháp:** * **Đổi mới phương pháp:** Đã triển khai thành công **06 chuyên đề chuyên môn cấp trường** theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và phát triển năng lực số cho học sinh. **Tổ Khoa học tự nhiên** tập trung vào các chuyên đề ứng dụng công nghệ số trong dạy học như: *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới dạy học Toán ở bậc Trung học cơ sở; Ứng dụng công cụ Plickers trong dạy học; Ứng dụng phần mềm BeeClass trong dạy học và quản lí lớp học; Ứng dụng phần mềm Wayground/Quizizz trong dạy học.* **Tổ Khoa học xã hội** triển khai các chuyên đề gắn với đổi mới phương pháp, phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp và khai thác học liệu số cho học sinh như: *Một số kỹ năng nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh; Rèn kĩ năng tự học Ngữ văn cho học sinh THCS qua tiết học thực hành nói và nghe; Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nói và nghe trong môn Ngữ văn.*

**II. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, CUỐI NĂM,
NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	433	121	101	116	95
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	88.68	91.74	90.1	91.38	80
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8.55	7.44	7.92	6.03	13.68
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2.77	0.83	1.98	2.59	10.34
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32.1	29.75	43.56	25	31.58
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31.18	37.19	31.68	27.59	37.37
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	31.64	39.75	23.76	46.55	24.21
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.38	3.31	0.99	0.86	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học 2025-2026					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	94.92	99.08	99.77	99.77	96.31
2	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1.62	2.48	1.98		2.11
3	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.48	27.27	41.58	25	29.47

4	Học sinh xếp loại Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31.18	37.19	31.68	27.59	27.37
5	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.38	3.30	0.99	0.86	0
6	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
7	Chuyển trường đến	4	2	1	1	
8	Chuyển trường đi	2		1		1
9	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
10	Bỏ học (qua kỳ I) (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	1	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	59	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Cấp xã	209	31	35	34	91
2	Cấp tỉnh/thành phố	39	1	5	9	17
3	Quốc gia	13	1	4	5	3
4	Quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					95
VI	Số học sinh được công nhận HTCT lần I					79
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					30.52
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					27.36
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					24.21
VII	Số học sinh được công nhận HTCT lần II Tháng 6/2026					16
1						

2						
3						
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					0
IX	Số học sinh nữ/số học sinh nam	194/218	42/60	56/60	49/47	4751
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	1	0	1	1

III. CÔNG KHAI KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI HỌC BẠ SỐ: QUY TRÌNH NHẬP LIỆU, KIỂM TRA, ĐỒNG BỘ VÀ CHỐT DỮ LIỆU HỌC BẠ SỐ CỦA HỌC SINH CUỐI NĂM HỌC PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

Kế hoạch, tiến độ và kết quả triển khai Học bạ số năm học 2025 - 2026

1. mục tiêu và phạm vi triển khai

Mục tiêu: Hồ sơ hóa toàn bộ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh bằng phương thức số, có chữ ký số xác thực của Giáo viên bộ môn và Hiệu trưởng. Đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn dữ liệu và kết nối thông suốt với Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phạm vi: 100% học sinh các khối lớp tại trường THCS Phú Yên.

2. quy trình thực hiện và tiến độ chi tiết

Nhà trường đã xây dựng và vận hành nghiêm túc quy trình liên hoàn gồm 4 bước, phân định rõ trách nhiệm của Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn (Toán, Khoa học Tự nhiên, Công nghệ, Thể dục, Tin học...) và tổ văn phòng:

Bước 1: Quy trình nhập liệu dữ liệu số

Nội dung: Giáo viên bộ môn trực tiếp nhập điểm số, nhận xét, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh lên hệ thống Phần mềm quản lý nhà trường (quản lý học bạ số). Giáo viên chủ nhiệm cập nhật thông tin phổ thông, chuyên cần và nhận xét chung.

Yêu cầu: Nhập liệu chính xác, đúng thời hạn quy định, không để xảy ra sai sót về mặt kỹ thuật và chính tả.

Bước 2: Kiểm tra, đối soát dữ liệu

Nội dung: Tổ trưởng chuyên môn (Bà Nguyễn Thị Thanh, Bà Chu Thị Thanh Vân) rà soát, đối chiếu dữ liệu trên hệ thống phần mềm với sổ điểm cá nhân của giáo viên.

Sự điều hành của Ban Giám hiệu: Bà Hoàng Thị Thu Hương - Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trực tiếp kiểm tra, đối soát độc lập, phê duyệt danh sách dữ liệu sau khi các tổ chuyên môn đã nghiệm thu nhằm đảm bảo tính chính xác tuyệt đối trước khi thực hiện ký số.

Bước 3: Đồng bộ dữ liệu lên hệ thống ngành

Nội dung: Bộ phận Quản trị hệ thống công nghệ thông tin phối hợp với Văn thư (Ông Nguyễn Hữu Tuấn) thực hiện lệnh đồng bộ, đẩy toàn bộ dữ liệu học tập, rèn luyện đã được phê duyệt lên hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Yêu cầu kỹ thuật: Đường truyền thông suốt, dữ liệu không bị lỗi cấu trúc, khớp mã định danh của từng học sinh.

Bước 4: Chốt dữ liệu và thực hiện ký số học bạ

Nội dung: Thực hiện khóa chức năng chỉnh sửa dữ liệu trên hệ thống. Giáo viên bộ môn và Giáo viên chủ nhiệm tiến hành ký số cá nhân. Cuối cùng, Hiệu trưởng (Bà Trương Tú Phương) thực hiện ký số ban hành Học bạ số chính thức cho học sinh toàn trường.

3. kết quả thực hiện thực tế

Thời điểm hoàn thành: Nhà trường đã hoàn thành toàn bộ quy trình 4 bước nêu trên vào ngày 22 tháng 5 năm 2026.

Đánh giá tiến độ: Mọi công việc từ khâu nhập liệu, kiểm tra, đối soát chuyên môn cho đến đồng bộ dữ liệu và ký số phê duyệt đều diễn ra đúng tiến độ, an toàn

và bảo mật theo đúng kế hoạch của Ban chỉ đạo chuyển đổi số nhà trường và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Tình trạng dữ liệu: 100% học bạ số của học sinh trường THCS Phú Yên năm học 2025 - 2026 đã được chuẩn hóa, ký số đầy đủ, hợp lệ và đồng bộ thành công lên Cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẵn sàng phục vụ cho công tác tra cứu, kết chuyển, tuyển sinh đầu cấp và lưu trữ điện tử.

Báo cáo này được niêm yết công khai tại Bảng tin hành chính nhà trường và đăng tải trên Website của trường trong vòng 30 ngày liên tục để cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và nhân dân giám sát./.

IV. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI THI ĐUA VIÊN CHỨC: BÁO CÁO TỔNG KẾT HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁC TỔ CHUYÊN MÔN; KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CUỐI NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đối với Viên chức (Theo Mẫu số 05c)

Tổng số viên chức có mặt, được đánh giá và xếp loại: 25 người. Trong đó: Viên chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Tổng số 02 người.

Mức xếp loại: 02 người đạt mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Tỷ lệ 100%).
Danh sách cụ thể: Bà Trương Tú Phương (Hiệu trưởng) và Bà Hoàng Thị Thu Hương (Phó Hiệu trưởng).

Viên chức không giữ vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (Giáo viên, Nhân viên): Tổng số 23 người.

Mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 08 người (Tỷ lệ 25,8%).

Mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 15 người (Tỷ lệ 74,2%).

Mức Hoàn thành nhiệm vụ: 0 người (Tỷ lệ 0%).

Mức Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 người (Tỷ lệ 0%).

2. Đối với Người lao động hợp đồng (Theo Mẫu số 05d)

Tổng số người lao động hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập có mặt, được đánh giá và xếp loại: 08 người. Trong đó:

Mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 08 người (Tỷ lệ 100%).

Các mức xếp loại khác (Xuất sắc / Hoàn thành / Không hoàn thành): 0 người (Tỷ lệ 0%).

3. Kết quả đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động

STT	Họ và tên	Chức vụ	Kết quả xếp loại
1	Trương Tú Phương	Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Hoàng Thị Thu Hương	P. Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Nguyễn Thị Mai Hoa	Chi ủy viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Nguyễn Thúy Hiền	Giáo viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
5	Chu Thị Thanh Vân	Tổ trưởng CM	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
6	Nguyễn Thị Thanh	Tổ trưởng CM	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
7	Nguyễn Thị Mỹ Linh	BTCĐ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
8	Phan Thị Chang	Giáo viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
9	Đỗ Thị Nụ	Giáo viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
10	Trần Thị Hồng	Tổ phó tổ KHXH	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
11	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tổ phó tổ KHTN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
12	Nguyễn Lý Hùng	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
13	Nguyễn Hữu Tuấn	TKHD	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
14	Kiều Thị Ngọc Ánh	TPT	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
15	Kiều Văn Hiệu	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
16	Lê Thị Nghĩa	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
17	Nguyễn Thị Phương Anh	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
18	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
19	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
20	Nguyễn Thị Yên	Giáo viên - TTND	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

21	Nguyễn Thị Tú Uyên	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
22	Lê Thị Yên	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
23	Đào Thị Hoa	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
24	Nguyễn Khánh Ly	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
25	Vũ Mai Phương	Giáo viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
26	Nguyễn T Hồng Quảng	Tổ trưởng VP	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
27	Nguyễn Thị Vân Khanh	NV Thư viện	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
28	Vũ Thanh Hiếu	Tổ phó VP	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
29	Nguyễn Thị Thu Huyền	NV phục vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
30	Nguyễn Thị Thanh	NV Bảo vệ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
31	Nguyễn Thị Huệ	NV Bảo vệ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
32	Nguyễn Thị Mai Hương	NV Y tế	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
33	Nguyễn Thị Lan Phương	NV Kế toán	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

4.kết luận và đánh giá chung

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng được nhà trường thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, dựa trên hiệu quả công việc thực tế, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Giám hiệu, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các tổ bộ môn chuyên môn (Toán, Khoa học Tự nhiên, Công nghệ, Thể dục, Tin học...).

Kết quả phân loại phản ánh đúng phong trào thi đua dạy tốt - học tốt của đơn vị, 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều đạt từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có trường hợp sai sót, khiếu nại hay vi phạm quy chế.

G. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Các khoản thu:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC CẤP VÀ CÁC KHOẢN THU SỰ NGHIỆP
Nguồn kinh phí: NSNN cấp:	5,919,000,000
1. Kinh phí giao đầu năm	4,358,000,000
2. Bổ sung nguồn CCTL	1,561,000,000
Nguồn kinh phí bổ sung từ T1 - T5:	335.000.000
1. Kinh phí triển khai trợ lý trí tuệ nhân tạo MISA ONE AI.	17.000.000
2. Kinh phí hỗ trợ các đơn vị tham gia hội thi “Chuyên Mỹ chung tay khắc phục 5 điểm nghẽn...”	3.000.000
3. Kinh phí cải cách tiền lương và tiền thưởng	315.000.000

*Các khoản thu bắt buộc và thỏa thuận từ CMHS năm học 2025 - 2026

- Các khoản thu bắt buộc:

+ **Bảo hiểm Y tế:** Thu hộ theo qui định của BHXH: Căn cứ pháp lý: CV số 13/BHXH của BHXH cơ sở Thường Tín ban hành ngày 13/08/2025 về việc hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025 - 2026.

Mức thu: 631.800đ/ 12 tháng (Số tiền đóng = Mức lương CS x 4,5% x 12 tháng x 50%).

Thời gian thu: Tháng 10/2025.

Trường hợp học sinh là con hộ nghèo, con bộ đội, công an,... đã được cấp thẻ BHYT, phải nộp bản photo thẻ BHYT để nhà trường tổng hợp báo cáo BHXH thành phố.

-**Khoản thu theo thỏa thuận:** (Đã được thông qua, nhất trí trong Hội nghị Ban đại diện CMHS nhà trường ngày 23/8/2025 và Hội nghị CMHS các lớp ngày 24/8/2025)

+ **Nước uống:** 12.000 đồng /1 học sinh /1 tháng. Một năm thu 9 tháng.

- **Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:** (Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025).



- **Phúc lợi:** "Từ tháng 1 đến ngày 25/05/2026, nhà trường đã trích ngân sách để chi quỹ phúc lợi tập thể, chi thu nhập tăng thêm với tổng số tiền là **95.700.000đ** để đảm bảo đời sống cho cán bộ giáo viên, tạo động lực thi đua trong toàn đơn vị."

2.. Các khoản chi:

a. Chi từ NSNN cấp: từ T1/2026 đến ngày 25/05/2026

NỘI DUNG CHI	KP TỰ CHỦ	KP KHÔNG TỰ CHỦ
I. Kinh phí	1.683.276.601	819.647.700
1. Tiền lương	756.227.254	439.279.000
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	153.373.700	43.452.200
3. Phụ cấp lương	367.625.900	200.496.400
4. Các khoản đóng góp	225.896.800	119.420.100
5. Các khoản thanh toán cho cá nhân	79.200.000	
6. Thanh toán dịch vụ công cộng	25.950.197	
7. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.485.710	
8. Công tác phí	7.800.000	
9. Chi phí thuê mướn	19.000.000	5.000.000
10. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	2.170.000	
11. Mua sắm tài sản vô hình		12.000.000
12. Chi khác	22.047.040	
13. Phúc lợi tập thể	16.500.000	

N M
 ỜNG
 C C S
 YÊN

b. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

NỘI DUNG	SỐ HỌC SINH	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí học kì I năm học 2025-2026	433	162.375.000	5 tháng

c. Số dư quỹ và tiền gửi tại kho bạc tính đến ngày 25/5/2026

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Tài khoản 3713 (CSSKBĐ)	Đồng	16.625.691	
2	Tài khoản 3716 (nguồn học phí)	Đồng	18.909.948	

H. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ khác của ngành.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Lương Lợi Phương

